

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày 25 tháng 02 năm 2025
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Cảnh Toàn**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Mười** và bà **Nguyễn Thị Chinh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hạnh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Hòa** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2024/TLST-DS ngày 25/11/2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-DS ngày 11/02/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phan Lê T**.

Địa chỉ: số 4 – đường H – phường A – thị xã B - tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Đinh Thị S**.

Địa chỉ: thôn T – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông **Phan Lê T** trình bày: Vào ngày 30/7/2024, bà **Đinh Thị S** có mượn của tôi số tiền là 500.000.000 đồng để giải quyết công việc và hẹn đến ngày 31/7/2024 sẽ hoàn trả lại số tiền trên.

Tuy nhiên đến nay đã quá hạn trả nợ, mặc dù tôi đã nhiều lần yêu cầu bà **Đinh Thị S** phải trả lại số tiền nói trên cho tôi nhưng bà **Đinh Thị S** cố tình trốn tránh không chịu trả nợ cho tôi như đã hẹn.

Nay tôi làm đơn khởi kiện này, yêu cầu Tòa án buộc bà **Đinh Thị S** phải trả số tiền nói trên cho tôi với số tiền cụ thể là 500.000.000 đồng tiền gốc + tiền lãi tính từ ngày 30/7/2024 đến ngày 07/11/2024 là 03 tháng 10 ngày với lãi suất theo quy định cho phép của pháp luật 1,66%/ tháng, tương đương số tiền là 27.390.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 527.390.000 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn bà **Đinh Thị S** trình bày: Tôi thừa nhận có vay và nợ của anh **Phan Lê T** số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Việc vay tiền được tôi

ký vào “Giấy vay/mượn tiền cá nhân” vào ngày 30/7/2024. Do làm ăn, kinh doanh không được thuận tiện nên tôi đã vi phạm thời hạn trả nợ như đã thỏa thuận.

Nay anh Phan Lê T khởi kiện tôi đề đòi trả số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và lãi suất mức 1,66%/ tháng từ ngày 30/7/2024 tạm tính đến ngày 07/11/2024 là 27.390.000 đồng, tổng cộng là 527.390.000 đồng thì tôi đồng ý và không có ý kiến gì.

Tuy nhiên, tôi cũng đã trả cho anh Tuấn nhiều đợt với tổng số tiền là 80.000.000 đồng và tôi đề nghị được khấu trừ vào số tiền đã nợ như trên.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận ngày 17/8/2024 bà Đinh Thị S đã trả cho ông Phan Lê T số tiền 80.000.000 đồng/ số tiền 500.000.000 đồng nợ gốc, nay bà Đinh Thị S còn nợ ông Phan Lê T số tiền 420.000.000 nợ gốc. Về mức lãi suất thì hai bên không thỏa thuận được, ông Phan Lê T đề nghị tính mức lãi suất 1,66%/ tháng tính từ ngày vay, bà Đinh Thị S đề nghị giải quyết lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ đúng pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng cũng như việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia phiên tòa đều đảm bảo, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phan Lê T. Buộc bà Đinh Thị S phải trả cho ông Phan Lê T số tiền 420.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất được tính 500.000.000 đồng x 0,83%/ tháng từ ngày vay 30/7/2024 đến ngày 17/8/2024 và lãi suất 420.000.000 đồng x 0,83%/ tháng từ ngày 18/8/2024 đến ngày xét xử 25/02/2025.

Về án phí dân sự sơ thẩm, đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về tố tụng.

[1.1] Quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2024, ông Phan Lê T khởi kiện bà Đinh Thị S về việc hoàn trả số tiền nợ 500.000.000 đồng đã vay và lãi suất. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự (tranh chấp về hợp đồng vay tài sản), quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Đinh Thị S có địa chỉ tại thôn T – xã E – huyện Krông Năng nên ông Phan Lê T đã làm đơn khởi kiện. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Krông Năng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp.

[2.1] Đối với số tiền nợ gốc: Ngày 30/7/2024, bà Đinh Thị S có vay của ông Phan Lê T số tiền 500.000.000 đồng. Việc vay tiền được lập “Giấy vay/ mượn tiền cá nhân” và bà Đinh Thị S đã ký nhận. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, bà Đinh Thị S thừa nhận số nợ trên. Ông Phan Lê T cũng thừa nhận đến ngày 17/8/2024, bà Đinh Thị S đã trả được số tiền nợ vay là 80.000.000 đồng, còn lại 420.000.000 đồng. Như vậy, việc vay và nợ tiền của bà Đinh Thị S là có thật và được hai bên thừa nhận.

Tại “Giấy vay/ mượn tiền cá nhân” thể hiện về thời điểm thanh toán nợ gốc là ngày 31/7/2024. Như vậy, bà Đinh Thị S đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay và việc khởi kiện của ông Phan Lê T là có căn cứ, cần chấp nhận để buộc bà Đinh Thị S phải trả số tiền gốc nợ vay là 420.000.000 đồng.

[2.2] Đối với tiền lãi: Tại mục 2 của “Giấy vay/ mượn tiền cá nhân” về mức lãi suất thì theo thỏa thuận giữa hai bên. Việc vay tiền của bà Đinh Thị S với ông Phan Lê T là có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, ông Phan Lê T đề nghị tính mức lãi suất là 1,66%/ tháng từ ngày vay, bà Đinh Thị S không chấp nhận mức lãi suất như trên, đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật.

Việc vay tiền của bà S với ông T là có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn (20%/năm) là 0,83%/ tháng (10%/năm), cụ thể lãi suất được tính là: {500.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 19 ngày (từ ngày 30/7/2024 đến 17/8/2024) = (2.565.000 đồng)} + {420.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 06 tháng 07 ngày (từ ngày 18/8/2024 đến ngày xét xử 25/02/2025) = (21.709.800 đồng)} = 24.274.800 đồng.

[2.3] Như vậy, bà Đinh Thị S phải trả cho ông Phan Lê T số tiền 420.000.000 đồng nợ gốc và 24.274.800 đồng nợ lãi, tổng cộng là 444.274.800 đồng.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Đinh Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sau khi đã được tính là 21.770.992 đồng (làm tròn số 21.771.000 đồng)

Nguyên đơn ông Phan Lê T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Lê T.

Buộc bà Đinh Thị S phải trả cho ông Phan Lê T số tiền 420.000.000 đồng nợ gốc và 24.274.800 đồng nợ lãi, tổng cộng là 444.274.800 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị S phải chịu 21.771.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Lê T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền 12.548.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011933 ngày 18/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Cảnh Toàn